

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Số: 20 /HĐ-SHTPCo-BĐH NMXLNT

Căn cứ Quyết định số 57/QĐ-KCNC ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Tp.HCM về việc giao nhiệm vụ cho Công ty Phát triển Khu Công nghệ cao Tp.HCM, nay là Công ty TNHH một thành viên Phát triển Khu Công nghệ cao tiếp nhận quản lý vận hành khai thác Nhà máy xử lý nước thải Khu Công nghệ cao Tp.HCM - giai đoạn 1;

Căn cứ Quyết định số 214/QĐ-KCNC ngày 30/12/2009 về việc công bố “Tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào của nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh- giai đoạn 1”;

Căn cứ Quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp được ban hành kèm theo Thông tư 47/2011/TT-BTNMT ngày 28/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia môi trường;

Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 25 tháng 3 năm 2015, tại Văn phòng Công ty TNHH một thành viên Phát triển Khu công nghệ cao Tp.HCM, hai bên gồm có :

BÊN A: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHỆ CAO TP. HCM

Người đại diện: Ông *Vũ Quang Dân* Chức vụ: Phó Giám đốc

Giấy Ủy quyền số: /QĐ-SHTPCo-HCTC ngày tháng năm 2014

Trụ sở tại: 46/26 Nguyễn Cửu Vân, P.17, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

VP điều hành: Khu G3, đường D1, P. Tân Phú, Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08. 3730 5276 – 08. 3730 5277 Fax: 08. 3730 5274

Mã số thuế: 0300376966

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN SANOFI VIỆT NAM

Người đại diện: Mr. Philippe Leroy Chức vụ: Giám đốc nhà máy

Trụ sở tại: Lô I-8-2 đường D8, Khu Công nghệ cao, Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 37361098 Fax : 08 37361098

Mã số thuế: 0312233458

Bên A và Bên B cùng thống nhất ký kết hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải với các điều khoản như sau:

Điều 1: Đối tượng của hợp đồng

Bên A: Công ty TNHH MTV Phát triển Khu Công nghệ cao Tp. HCM - là đơn vị cung cấp dịch vụ xử lý nước thải; Bên B: Công ty Cổ Phần Sanofi Việt Nam - là đơn vị sử dụng dịch vụ xử lý nước thải.

- a) Bên A chấp nhận cung cấp dịch vụ xử lý nước thải, Bên B đồng ý sử dụng dịch vụ xử lý nước thải bao gồm nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất (nước thải công nghiệp) Bên B xả ra và được Bên A tiếp nhận đưa vào hệ thống xử lý nước thải tập trung tại Khu Công nghệ cao Tp.HCM;
- b) Tiêu chuẩn chất lượng nước thải của Bên B trước khi xả vào hệ thống xử lý nước thải của Bên A phải đảm bảo trong tiêu chuẩn cho phép của Khu công nghệ cao theo tiêu chuẩn "Chất lượng nước thải đầu vào nhà máy xử lý tập trung – Khu Công nghệ cao Tp. HCM- giai đoạn 1" ban hành tại Quyết định số 214/QĐ-KCNC ngày 30/12/2009;
- c) Cơ sở xác định tiêu chuẩn chất lượng nước thải của Bên B được căn cứ vào báo cáo kết quả giám sát chất lượng nước thải hàng quý của doanh nghiệp lập (theo quyết định của KCNC) gửi cho Bên A vào thời điểm:
 - + Lần đầu tiên: Gửi báo cáo kết quả giám sát chất lượng nước thải trước khi Bên B đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải của Bên A.
 - + Các lần tiếp theo: Gửi báo cáo theo định kỳ vào tuần đầu tiên của mỗi quý

Điều 2. Phí dịch vụ xử lý nước thải và phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trong Khu Công nghệ cao:

1. Mức phí :

- a. **Phí dịch vụ xử lý nước thải công nghiệp:** Thực hiện theo Quyết định 5754/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2007 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh Quyết định về một số cơ chế, chính sách thu hút đầu tư vào Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh về phí xử lý nước thải qui định tại điều 2 của Quyết định, đính kèm hợp đồng này.

Số tiền thanh toán phí xử lý nước thải sẽ dựa theo hóa đơn phát hành tại thời điểm đề nghị thanh toán theo từng tháng.

Lượng nước thải xử lý được xác định bằng 80% lượng nước sử dụng của Bên B theo hóa đơn tiền nước hàng tháng.

- b. **Phí Bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp:** Thực hiện đóng phí BVMT đối với nước thải công nghiệp theo quy định.

Trường hợp phí xử lý nước thải và phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp thay đổi thì biểu giá mới sẽ được áp dụng, Bên A sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên B ngay sau khi Bên A nhận được chính thức biểu giá mới. Thời điểm bắt đầu áp dụng biểu giá mới sẽ căn cứ vào thời điểm mà cơ quan có thẩm quyền quy định.

2. Phương thức thanh toán

- a. Bên B thanh toán phí dịch vụ xử lý nước thải và phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp hàng tháng bằng tiền đồng Việt Nam theo hình thức chuyển khoản trong vòng 07 ngày kể từ ngày Bên B nhận được hóa đơn thanh toán.
- b. Quá thời hạn 07 ngày kể từ ngày Bên B nhận được hóa đơn (căn cứ theo ngày Bên B ký nhận hóa đơn phí dịch vụ xử lý nước thải và phí bảo vệ môi trường) mà vẫn chưa thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Bên A, thì Bên B phải thanh toán thêm tiền lãi quá hạn trên số nợ theo mức lãi suất của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN- chi nhánh Đồng Sài Gòn.

Điều 3. Trách nhiệm của bên A

1. Bảo đảm hệ thống thu gom, xử lý nước thải hoạt động ổn định. Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp.
2. Khi thực hiện công việc bảo dưỡng và sửa chữa tuyến ống thu gom cũng như hệ thống xử lý nước thải, Bên A sẽ thông báo cho Bên B trước 7 ngày và khôi phục hoạt động trong thời gian sớm nhất để hạn chế gián đoạn việc xử lý nước thải của Bên B;

3. Thông báo đến Bên B các thay đổi liên quan đến nội dung Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải (nếu có).
4. Tiếp nhận và có biện pháp giải quyết kịp thời những thắc mắc, khiếu nại của Bên B về các vấn đề liên quan đến thu gom, xử lý nước thải.
5. Bên A có quyền lấy mẫu đột xuất để kiểm tra chất lượng nước thải của Bên B nếu thấy cần thiết.
6. Qua phân tích mẫu nước thải lấy đột xuất, nếu kết quả phân tích mẫu phát hiện có các chỉ tiêu ô nhiễm vượt tiêu chuẩn cho phép, thì Bên A và Bên B sẽ lập Biên bản ghi nhận sự việc trình cấp thẩm quyền xử lý.

Điều 4. Trách nhiệm Bên B

1. Đầu nối hoàn chỉnh hệ thống thoát nước thải vào hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung theo đúng các quy định của Ban quản lý Khu công nghệ cao.
2. Báo cáo đúng tính chất và thành phần các chất ô nhiễm có trong nước thải, nếu phát hiện có sự thay đổi thành phần hoặc gia tăng nồng độ các chất ô nhiễm hay các hiện tượng bất thường thì Bên B phải kịp thời thông báo trước cho Bên A bằng các hình thức: Fax, email và văn bản trong ngày.
3. Thực hiện việc báo cáo, kiểm tra mẫu nước thải định kỳ 03 tháng/lần theo qui định của Ban Quản lý Khu công nghệ cao và gửi báo cáo về cho Bên A trong tuần lễ đầu tiên của mỗi quý. Thanh toán đầy đủ, đúng kỳ hạn toàn bộ chi phí dịch vụ xử lý nước thải và phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp.
4. Bồi thường và buộc thực hiện các biện pháp khắc phục khi gây thiệt hại cho các bên liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Chấm dứt Hợp đồng

Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải được chấm dứt khi xảy ra một trong những trường hợp sau đây :

1. Khi một trong hai bên vi phạm bất kỳ điều khoản nào trong hợp đồng hoặc vi phạm những qui định pháp luật hiện hành liên quan đến hoạt động xả thải thì hợp đồng sẽ được chấm dứt nếu như vi phạm đó đã được một trong hai bên nhắc nhở bằng văn bản mà vẫn không khắc phục.
2. Một số trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Chống tham nhũng và vi phạm đạo đức kinh doanh

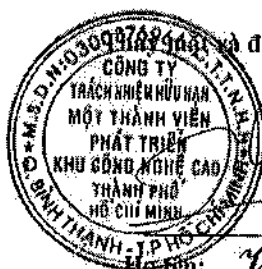
Hai bên cam kết và đảm bảo rằng không thực hiện và không cho phép nhân viên của mình trực tiếp hay gián tiếp tiến hành các đề xuất, hứa hẹn, đề nghị được chỉ trả, tiến hành việc chỉ trả hoặc chuyển giao bất kỳ vật gì có giá trị cho phía đối tác, nhằm mục đích hối lộ hoặc thực hiện những khoản thanh toán không phù hợp theo pháp luật về phòng chống tham nhũng của Việt Nam, cũng như các hướng dẫn thi hành của các quy định đó. Để đạt được ưu đãi, lợi thế hoặc được hỗ trợ một cách không chính đáng cho Công ty mình để duy trì các hoạt động kinh doanh với bên B trước hoặc sau khi đàm phán và ký kết hợp đồng này

Bên A có trách nhiệm thông báo ngay lập tức cho người có thẩm quyền của B nếu bên A biết hoặc có lý do để biết về bất kỳ hoạt động nào được mô tả tại Điều này và cung cấp cho Bên B toàn bộ cơ sở, chứng cứ liên quan.

Điều 7. Điều khoản chung

1. Hai Bên A và Bên B cam kết hợp tác, hỗ trợ tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện Hợp đồng trong suốt thời gian hiệu lực của Hợp đồng. Mọi sửa đổi bổ sung đều phải được hai bên thỏa thuận và ký kết bằng Phụ lục hợp đồng;

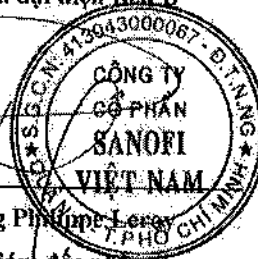
2. Trường hợp phát sinh tranh chấp, hai bên giải quyết bằng thương lượng. Nếu thương lượng không thành thì việc tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định hiện hành. Phán quyết của trọng tài là phán quyết cuối cùng và bắt buộc thực hiện.
3. Hợp đồng này và các Phụ lục đính kèm là thỏa thuận toàn bộ giữa hai bên về các vấn đề được nêu trong Hợp đồng.
4. Hợp đồng này có hiệu lực 1 năm kể từ ngày ký. Trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, nếu một bên muốn thay đổi, hoặc bổ sung nội dung hợp đồng đã ký, thì bên đó phải thông báo cho bên kia trước 15 ngày. Bất kỳ thay đổi nào sẽ có hiệu lực nếu được lập thành văn bản và ký bởi hai bên.
5. Hợp đồng này sẽ tự động được gia hạn hàng năm trừ khi Bên A hoặc Bên B có ý kiến khác. Ngày gia hạn hợp đồng là thời điểm tiếp theo của thời điểm chấm dứt hiệu lực hợp đồng đã ký.
6. Sau khi thực hiện xong hợp đồng, hai Bên hoàn tất nghĩa vụ với nhau và không ký lại Hợp đồng mới (hoặc Phụ lục hợp đồng) thì hợp đồng này có thêm giá trị tự thanh lý.
7. Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải được lập thành sáu (06) bản, mỗi bên giữ ba (03) bản và có giá trị pháp lý như nhau.



Thay mặt và đại diện Bên A

Họ tên: Vũ Quang Dân
Chức vụ: PHÓ GIÁM ĐỐC

Thay mặt và đại diện Bên B



Họ tên: Ông Philippe Leroy
Chức vụ: Giám đốc nhà máy

I. Quy trình và phương thức lấy mẫu đột xuất

1. Công tác lấy mẫu nước thải đột xuất: Nhà máy xử lý nước thải Khu Công nghệ cao Tp. Hồ Chí Minh (gọi tắt là Nhà máy) sẽ tiến hành lấy mẫu đột xuất nước thải đầu ra của doanh nghiệp khi nghi ngờ hàm lượng các chất ô nhiễm trong nước thải của doanh nghiệp khi đổ vào hệ thống thu gom xử lý nước thải có các chỉ tiêu vượt tiêu chuẩn cho phép của Khu Công nghệ cao (đính kèm Bảng công bố "Tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào của Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghệ cao-giai đoạn 1").
2. Nhà máy sẽ gọi điện thoại thông báo cho Doanh nghiệp biết trước từ 01 giờ đến 03 giờ để cử nhân sự chứng kiến việc lấy mẫu nước thải.
2. Khi Nhà máy lấy mẫu nước thải (và ghi nhận chỉ số nước cấp lần 1) Doanh nghiệp cử người đại diện chứng kiến và ký vào biên bản lấy mẫu. Trường hợp khi Nhà máy lấy mẫu đột xuất mà Doanh nghiệp không cử người đại diện, Nhà máy sẽ đề xuất sự chứng kiến của đại diện Phòng Quy hoạch xây dựng và Môi trường (thuộc Ban Quản lý Khu Công nghệ cao) và việc lấy mẫu vẫn được tiến hành theo đúng quy định;
3. Vị trí lấy mẫu: Điểm đầu nối hồ ga kiểm tra thoát nước thải của Doanh nghiệp vào hệ thống đường ống thu gom nước thải tập trung KCNC
 - Số mẫu lấy: 3 mẫu (Mẫu lấy xong phải được niêm phong và lập biên bản, ghi rõ thời gian: Giờ, ngày tháng năm lấy mẫu, có đầy đủ chữ ký của Nhà máy và Doanh nghiệp và đơn vị lấy mẫu (Đơn vị thứ 3 có chức năng phân tích mẫu)
 - Lưu giữ mẫu: Một mẫu DV phân tích đem về Trung tâm để lưu mẫu và phân tích; một mẫu BDH NM lưu giữ tại Nhà máy và một mẫu doanh nghiệp lưu giữ để đối chứng (nếu có).
4. Chi phí phân tích mẫu:
 - a) Nếu kết quả phân tích phát hiện hàm lượng chất ô nhiễm trong nước thải vượt quá tiêu chuẩn quy định của Khu công nghệ cao thì Bên B phải chịu chi phí phân tích mẫu và thanh toán phí xử lý nước thải vượt chuẩn;
 - b) Nếu kết quả phân tích hàm lượng chất ô nhiễm trong nước thải không vượt chuẩn theo quy định của Khu công nghệ cao thì Bên A thanh toán chi phí phân tích mẫu;
5. Đơn vị thứ 3 thực hiện phân tích mẫu: Là phòng thí nghiệm chất lượng môi trường có chứng nhận Vilas; Kết quả phân tích mẫu được gửi về 02 địa chỉ:
 - Công ty TNHH một thành viên Phát triển Khu CNC Tp.HCM và trụ sở doanh nghiệp.

II. Thời gian thông báo kết quả phân tích mẫu nước thải & làm việc với doanh nghiệp khi nước thải vượt chuẩn

1. Thời gian có kết quả phân tích từ đơn vị thứ 3 (Đơn vị phân tích mẫu): Từ 10 đến 15 ngày làm việc.
2. Nếu kết quả nước thải doanh nghiệp vượt chuẩn:
 - Công ty Phát triển báo cáo ngay cho BQLKCNC để có Thông báo gửi doanh nghiệp v/v nước thải của doanh nghiệp vượt chuẩn;
 - + Căn cứ thông báo của BQLKCNC;

13000
CÔNG
CỐ PHÍ
SANO
IẾT N
T.P.H.C.



TIÊU CHUẨN NƯỚC THẢI SAU XỬ LÝ CỤC BỘ
THẢI VÀO NHÀ MÁY XỬ LÝ TẬP TRUNG - KHU CÔNG NGHỆ CAO TP. HCM

	TÊN CHỈ TIÊU	ĐV TÍNH	NƯỚC THẢI ĐÀU VÀO NMXLNT TẬP TRUNG
1	Nhiệt độ	°C	< 60°C
2	pH	-	5-9
3	BOD ₅	mg/l	250
4	COD	mg/l	600
5	SS	mg/l	300
6	Asen	mg/l	0,1
7	Cadimi	mg/l	0,02
8	Chì	mg/l	0,5
9	Clo dư	mg/l	2
10	Crom (VI)	mg/l	0,1
11	Crom (III)	mg/l	2
12	Dầu mỡ khoáng	mg/l	5
13	Dầu mỡ, chất béo động thực vật	mg/l	100
14	Đồng	mg/l	1
15	Kẽm	mg/l	2
16	Mangan	mg/l	1
17	Niken	mg/l	1
18	Phot pho hữu cơ	mg/l	10
19	Tổng Phot pho	mg/l	14
20	Sắt	mg/l	10
21	Tetracloetylen	mg/l	0,1
22	Thiếc	mg/l	1
23	Thủy ngân	mg/l	0,005
24	Tổng N	mg/l	60
25	Tricloetylen	mg/l	0,3
26	NH ₃ (Tính theo N)	mg/l	29
27	Florua	mg/l	2
28	Phenol	mg/l	0,05
29	Sulfua	mg/l	0,5
30	Xianua	mg/l	0,1
31	Tổng Coliform	No/100ml	37.10 ⁷
32	Tổng hoạt động phóng xạ α	Bq/l	0,1
33	Tổng hoạt động phóng xạ β	Bq/l	1,0

- Nước thải sau xử lý đạt TCVN 5945 – 2005, loại A.

CHỖ ĐÓNG DẤU VÀ CHỮ CHỮ ĐÓNG DẤU

CÔNG TY TNHH TM, XD & MT ĐĂNG NGUYỄN

Số: ...1221/01-BB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

-----oOo-----

BIÊN BẢN NGHIỆM THU

V/v: Xử lý khí thải máy phát điện

(PO số: E003457639)

Công trình : Hệ thống xử lý khí thải máy phát điện Công ty Cổ phần Sanofi Việt Nam

Địa điểm : Lô I-8-2 Đường D8, Khu Công Nghệ Cao, phường Long Thạnh Mỹ, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM

Hôm nay, ngày 18 tháng 12 năm 2021, đại diện 2 bên gồm:

ĐD. BÊN A: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐĂNG NGUYỄN

- Ông : Nguyễn Anh Quân

Chức vụ:Giám Đốc.....

- Ông :

Chức vụ:

ĐD. BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN SANOFI VIỆT NAM

- Ông : Nguyễn Văn Tâm

Chức vụ:Giám Sát.....

Chúng tôi cùng nhau ký vào biên bản này thống nhất rằng:

Bên A đã hoàn thành công việc cung cấp và lắp đặt hệ thống xử lý khí thải máy phát điện theo PO số E004357639 đạt yêu cầu.

Kết quả phân tích đạt QCVN 19:2009 BTNMT. Bên B đồng ý nghiệm thu và đưa vào vận hành.

Biên bản này được lập với sự thống nhất của hai Bên và được lập thành 03 (Ba) bản, mỗi Bên giữ 01 (một) bản để theo dõi và thực hiện đồng thời cũng là cơ sở để Bên B thanh toán cho Bên A .

ĐẠI DIỆN BÊN B



Nguyễn Văn Tâm



Nguyễn Anh Quân

Meeting Minutes

Date of Meeting : 20th Aug 2018

Location : Sanofi, Vietnam

Project Name / Reference : TNBi Project No. 18017, Coater Machine Scrubber

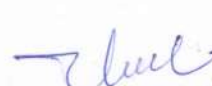
Those Present : Pravin Dharmadhikari – TNBi
Le Phuoc Loc - Sanofi
Ta Thi Nhung – Sanofi
Tran Thi Huong Tra – Sanofi
Truong Anh Tuan –Sanofi
Nguyen Duc Le - Sanofi

SUBJECT

Kick off Meeting for Coater Scrubber
: Ref: Offer No. 18057 R5A-1 Dt. 30 Jul 2018
Customer PO No.:

ITEM	MINUTES TAKEN	ACTION BY	Due Date
1	PO from customer	Sanofi	22.08.18
2	Plant Area Layout	Sanofi	20.08.18
3	Sanofi Purchase Contact Ms. Ta Thi Nhung ThiNhung.Ta@sanofi.com +84 908 968 156		
	Sanofi Project Contact Ms. Tran Thi Huong Tra Thihuongtra.tran@sanofi.com +84 983 793 326		
	Sanofi Design Contact Mr. Le Phuoc Loc Phuocloc.le@sanofi.com +84 90 3364942		
	Sanofi Site In-charge Contact Kamat Rajesh Rajesh.Kamat@Sanofi.com		
	Sanofi Finance Contact Mrs. Do Thu Trang Thutrang.Do@sanofi.com		
4	TNBI Sales Contact: Pravin Dharmadhikari - Director pravind@tnbiindustries.com +91 92255 61222		

	TNBi Projects Contact: Sagar Kumar / Rohit Kularni – Project Manager projects@tnbiindustries.com +91 92262 15332 / 93702 69259		
	TNBi Manufacturing Contact: Sudhakar Deore – Manufacturing In-charge sudhakard@tnbiindustries.com +91 99234 80883		
	TNBi Quality Contact: Shrikrishna Puranik shrikrishnap@tnbiindustries.com +91 77739 42305		
5	Design Basis As per Annexure I		
6	Electrical & Control Details As per Annexure II		
7	Agreed Sub-vendor List As per Annexure III		
8	Agreed Scope Matrix & Scope of Supply As per Annexure IV		
9	Agreed PID As per Annexure V		
10	List Of Documents Required As per Annexure VI		
11	Agreed Time Schedule As per Annexure VII		
12	Billing Address Sanofi Viet Nam shareholding company Lot I-8-2, D8 Road, Saigon Hi-Tech Park, District 9, Ho Chi Minh City, Vietnam		
13	Delivery Address Sanofi Viet Nam shareholding company Lot I-8-2, D8 Road, Saigon Hi-Tech Park, District 9, Ho Chi Minh City, Vietnam		
14	Customer Installation Schedule		
15	Standard QAP, Data Sheet Format with Customer if available.	N/A	
16	Standard Painting Specs with Customer if available.	N/A	
17	Inspection Plan (Stage wise / Final / FAT...) Customer inspection or TPI Inspection	Sanofi	
18	Special dispatch instructions if any	N/A	
19	Type of PLC communication port to be confirmed by customer	Sanofi	27.08.18

 20/08/18
 20.8.18
 PRABIND.
 TNBi
 2018

ANNEXURE I

Design Basis:

Scrubber	Coater Machine Scrubber
Scrubber Model:	SMP-700-950H
Gas flow, AM3/Hr	6000
Temperature, deg. C.	45 (80 Design)
Dust loading, gram/M3	5 max
Pressure drop, mmWC	400
Venturi Water flow rate, m3/hr	9
Packed Tower Water flow rate, m3/hr	12
ID Fan Vacuum mmWC	750
ID Fan Motor Rating kW	22
Venturi Pump Head m	30
Venturi Pump Motor Rating kW	2.2
Packing Pump Head m	30
Packing Pump Motor Rating kW	3.7

Inlet Gas Composition:

Iso propyl Alcohol, Ethyl alcohol, Acetone, Methanol, Dust of Active pharmaceutical ingredients, Balance Air.

Particle Specific Gravity: 1.2

Particle Sizes: Bigger than 2 micron

If particles are smaller the collection efficiency can be improved using adjustable venturi.

Dust Emission: Less than 10 mg/Nm³

Unit Installation Zone Classification: Zone 2 & 22, All motors and instruments to suit the zone classification.

ANNEXURE II

Electrical & Control Details

Voltage and Frequency:

380 VAC (+/-10%), 3 Ph, 50 Hz

220 VAC (+/-10%), 1 Ph, 50 Hz

Control Voltage: 24 VDC

All Motors: ATEX Certified for the Zone Classification: Zone 2 & 22

Control Panel: Located in NO ZONE area.

With required Safety Earthling Barrier

Communication Port: ModBUD / ProfiBUS / Ethernet

Panel Mounting: Floor

Panel Cable Entry: Bottom

Panel Location: Near to Scrubber in 10 m radius

ANNEXURE III

Sub Vendor List:

Sr. No.	Item	Make
1	Valves	L&T / AUDCO / Weir BDK
2	Solenoid Valve	ASCO (Emerson) / Rotex
3	Pump	<u>Ebara</u> / <u>KSB</u> / <u>Wilo</u> / Kirloskar
4	Motor	ABB / Siemens / <u>CG</u>
5	DP Gauge	GI / <u>Wika</u> / <u>Switzer</u> / Hirlekar
6	PLC	Omron / <u>Siemens</u>
7	Fan	Venti Oeldi / Jita Mitra / Patels / Marksmen
8	Transmitters	<u>Emerson</u> / E&H / <u>Honeywell</u> / Yokogava
9	Earthling barrier	P&F
10	VFD	ABB / <u>Siemens</u>
11	Actuators	Rotex / <u>Festo</u> / Janatics

ANNEXURE IV

Scope Matrix:

Sr. No.	Item	TNBi	Sanofi
1	Designing of complete System Equipment	*	
2	Material as per Supply Technical Specification	*	
3	Complete unit as per Equipment Specification	*	
4	Control Panel System	*	
5	ID Fan with motor	*	
6	Ladder and handrail If Required	*	
7	Complete duct and components system	From Scrubber inlet to exhaust	Till Scrubber inlet
8	Suction hoods		*
9	Duct support		*
10	Providing Cable Schedule	*	
11	All Cable, Cable trays Supply and Installation		*
12	DCS System with software		*
13	Utility Supply (Water, Antifoaming Agent, Power, Instrument Air, Compressed Air etc.)		*
14	All Civil Work		*
15	Waste Water Disposal		*
16	Earthling of equipment	*	
17	Manifolds/flex hoses to from duct to machines		*
18	Smaller duct pieces made locally (If Any)		*
19	Supervision of Installation, test run and commissioning	*	
20	Delivery from factory	*	
21	Transportation CIF Ho Chi Minh sea Port	*	
22	Doc clearance		*
23	Site performance testing		*
24	Mechanical assembly and installation		*
25	Offloading		*
26	Monorail / hoist		*
27	Scaffolding/ Cherry picker for Installation purpose		*
28	Crane for offloading/ Installation purposes		*
29	Builders or joiners work, preparation of foundations		*
30	Platform for installation of Equipment – If required (Extra)		*

ANNEXURE IV

Equipment Specifications:

Coater Machine Scrubber:

One Scrubber unit complete with

- 1) Venturi Section:
 - Approx. Dimensions: 350 NB Dia x 1m Length
 - MOC: IS2062 All contact parts
 - Accessories: Spray Nozzles
Mist eliminator cyclonic separator, 700 mm Dia x 3.7 m height.
Inbuilt water re-circulation tank
- 2) Water circulation Skid:
 - a. For Venturi section.
One Centrifugal Pumps
 - Capacity - 9 m³/hr
 - Head - 30 m
 - Motor - 3.7 kW
 - MOC - SS304 Contact Parts
 - b. For Packed Tower Section
One Centrifugal Pumps
 - Capacity - 12 m³/hr
 - Head - 30 m
 - Motor - 3.7 kW
 - MOC - SS304 Contact Parts

Single Mechanical Seal, Spacer, Coupling, Coupling Guard,
- 3) Packed Tower Section:
 - Overall Dimensions: 850 x 3000 x 1500 mm Ht.
 - MOC: MS / FRP lined
 - Packing Length: 1500 mm
 - Packing Material: PP
 - Spray nozzle: At one plane, Inspection doors,
Demister Pad at outlet
- 4) ID Centrifugal Fan:
 - Capacity: 6000 Am³/hr, 750 mm WC
 - With Vibration Isolators, Manual Damper, Drain connection, Base frame, 22 kW ATEX motor,
 - MOC: MS, Spark-proof
- 5) Ducting:
 - Ducting between Scrubber to ID fan and exhaust duct. Total length limited to 15m. MOC: IS2062
- 6) Antifoaming Dosing:
 - With 50 Ltr Tank, discharge valve.
 - MOC: MS, 3 thk
 - Timer based dosing

ANNEXURE IV

7) Instruments

With required isolation ball valves, Drain & Overflow connections, Water Make-up Solenoid valve, DP Transmitter Gauge across Venturi and Packing, Piping between Re-circulation tank to pump to venturi / Packing, Y Strainer, Liquid Pressure gauge, Level transmitter, Bleed-off EPO Valve, **DENSITY TRANSMITTER**

8) Local Common Control system:

Common PLC control panel to operate the system.

JB for Electrical and control

VFD for ID fan and starters for Pumps.

Three Earth barriers, DCS communication port,

Control panel to be mounted within 10 m radius from scrubber in Safe area.

9) One site visit with Six Man days site supervision.

10) Isolation Butterfly Valve

Size: 300 NB, Sandwich Type (Make: L&T/AUDCO/Weir BDK)

Seal Class: 6 or better

MOC: SS304 Body, SS316 Disk, PTFE Sealing

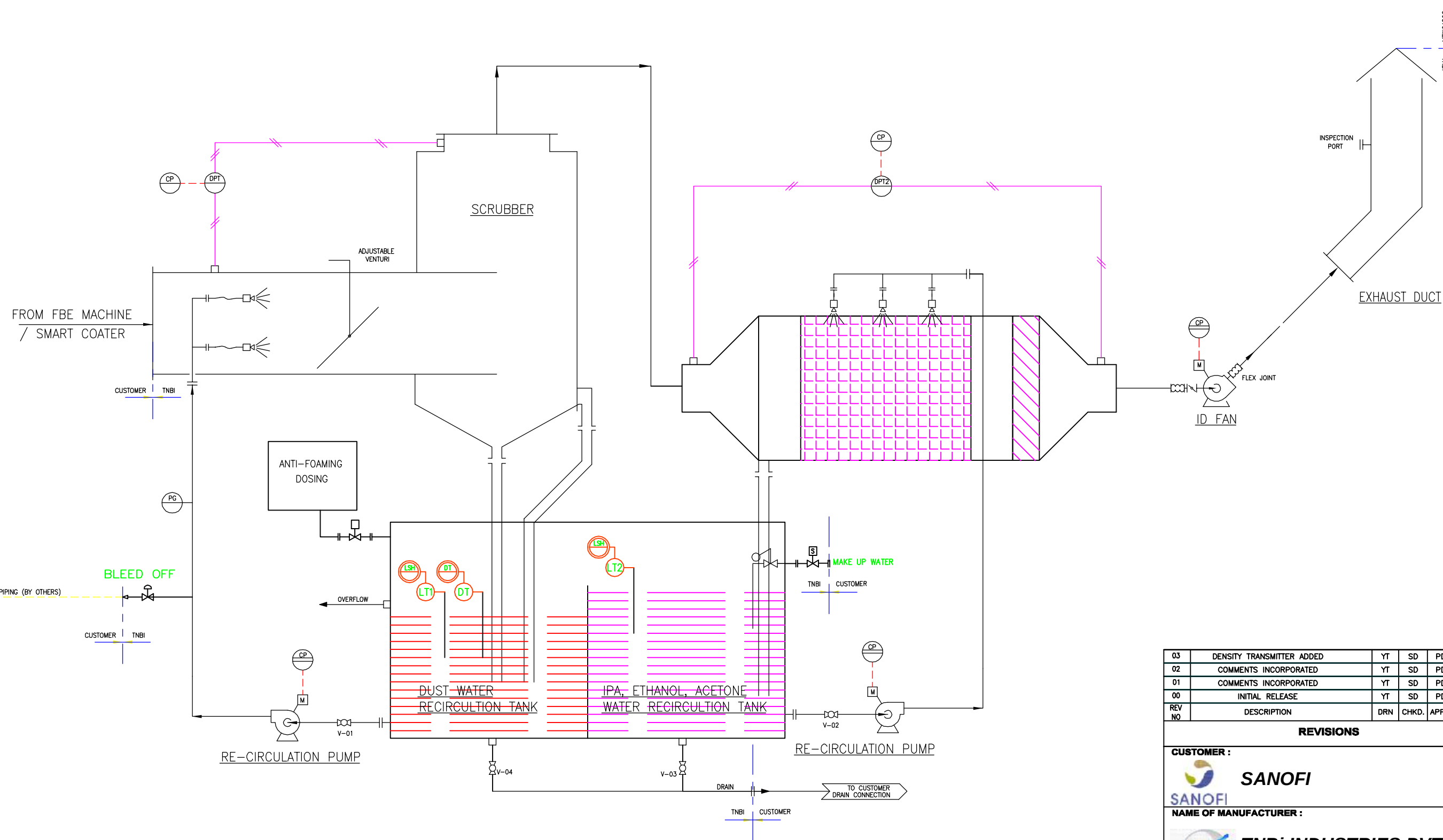
EPO operated (Actuator make Rotex / Festo)

Suitable for outside Zone 2 & 22. (Inside Zone 1 & 21)

Qty: 2 Nos.

All mild steel parts will be Epoxy Painted.

PID



03	DENSITY TRANSMITTER ADDED	YT	SD	PD	16/08/18
02	COMMENTS INCORPORATED	YT	SD	PD	05/06/18
01	COMMENTS INCORPORATED	YT	SD	PD	04/06/18
00	INITIAL RELEASE	YT	SD	PD	01/06/18
REV NO	DESCRIPTION	DRN	CHKD.	APPD.	DATE

REVISIONS					
CUSTOMER :					
 SANOFI					
NAME OF MANUFACTURER :					
 TN<i>Bi</i> INDUSTRIES PVT. LTD. PUNE					

DATE 01/06/18	SCALE NTS	TITLE : PID FOR COATER SCRUBBER SYSTEM			
DEPT. : DESIGN					
DRN.BY : YT	PROJ.: 18057 SANOFI	DWG. NO. 18057-PID-001		SHT.NO. 1 OF 1	
CHK.BY : SD	PVD NO.: 18057			REV.NO. 03	
APP.BY : PD	FILE NO. : 18057-PID-001				

THIS IS A REPRODUCTION OF A COMMERCIAL DRAWING OF TNBI AND IS SUPPLIED FOR AN AUTHORIZED PROJECT. THIS DRAWING IS THE PROPERTY OF AND CONTAINS CONFIDENTIAL PROPRIETARY INFORMATION OF TNBI AND SHALL NOT BE DISCLOSED, USED, COPIED, OR REPRODUCED EITHER WHOLLY OR IN PART, EXCEPT IN CONNECTION WITH SUCH USE AND WITH PRIOR WRITTEN CONSENT OF TNBI THIS DRAWING MUST NOT BE USED FOR FABRICATION UNTIL ISSUED FOR FABRICATION.

ANNEXURE VI

LIST OF DOCUMENTS

Sr. No.	Document Code	Description
A	A1000	Basic Documents
1	A1001	List of Vendor's documents and dwgs (DCI)
2	A1002	Process Description / Control Philosophy
3	A1003	Piping & Instrument Diagrams
4	A1004	Equipment List
5	A1005	Instrument List
6	A1006	Painting specification
7	A1007	Index for Vendor Data Book (VDB)
8	A1008	Vendor Data Book (VDB)
9	A1009	Final Drawing Electronic Files
10	A1010	Equipment Data Sheets
11	A1011	Line List
12	A1012	Data Sheets For bought out items
13	A1013	Utility balance
14	A1014	IO List Point Base
15	A1015	Electrical Load Details
16	A1016	Nameplate Drawing
B	B2000	Engineering Documents Mechanical
1	B2001	General Arrangement Drawing
2	B2002	Equipment Layout and loading Plan
3	B2003	Ducting Layout and loading Plan
4	B2004	Piping interconnecting dwg at battery limits
C	C3000	Engineering Documents Electrical and Instruments
1	C3001	Instrument Details
2	C3002	Single Line Diagram
3	C3003	Control Panel Details
4	C3004	Cable Schedule
D	D4000	Documents for Site
1	D4001	Installation, Start-up and Commissioning Manuals
2	D4002	Operation and Maintenance Manuals
3	D4003	Trouble shooting check list and diagrams

ANNEXURE VI

4	D4004	Details of site assembly and field welds
5	D4005	Site quality control plan (QCP)
6	D4006	Procedure for test-run
7	D4007	List of special tools for maintenance
8	D4008	List of Items to be Erected
9	D4009	List of spare parts for Two years operation
E	E5000	Inspection and Quality Control
1	E5001	Fabrication and Quality Control Plan
2	E5002	QC Manufacturing dossier
3	E5003	Testing procedures
4	E5004	NDT Procedure
5	E5005	Welding book (QPS, PQR)
F	F6000	Expediting
1	F6001	Engineering, Procurement, Manufacturing & Test Schedule
2	F6002	Monthly Progress report
3	F6003	Document Package for Transport Services
4	F6004	Main Sub Vendor List
5	F6005	Recommendations for protection during site storage
6	F6006	Packing List
7	F6007	Billing Break Up
G	G7000	Final Documentation
1	G7001	Quality Control Manufacturing Dossier
2	A1000	Basic Documents Package
3	B2000	Engineering Documents Mechanical Package
4	C3000	Engineering Documents Electrical and Instruments Package
5	D4000	Documents for Site Package
6	E5000	Inspection and Quality Control Package
7	F6000	Expediting Package
8	F7000	IQ
9	F8000	OQ

ANNEXURE VII

Delivery Schedule

Sr. No.	Document Code	Description	Calendar Week
1	Site Visit & Kick Off meeting	Within 1 weeks from LOI / PO (20 th Aug 2018)	34
2	GA and Layout	2 Weeks after site visit (03 Sep 2018)	36
3	GA and Layout Approval by Customer	Within 5 Days (8 th Sep 2018)	36
4	Manufacturing / Fabrication	10 weeks from approval (17 Nov 2018)	46
5	Bought-out Assembly	1 Weeks (25 Nov 2018)	47
6	Inspection by Client	1 Week (1 Dec 2018)	48
7	Painting	1 Week (8 Dec 2018)	49
8	Packing and dispatch	3 Days (11 th Dec 2018)	50
9	Doc Clearance	1 Week (18 th Dec 2018)	51
10	Sailing Time	4 Weeks (15 th Jan 2019)	52+3

The Delivery schedule to be updated time to time based on progress of project



Chemopharm Sdn Bhd (25504-W)

20 Jalan SS2/66, 47300 Petaling Jaya, Selangor, Malaysia

T +603-7872 6000 | F +603-7874 7958

www.chemopharm.com

Fume Cupboard Certificate of Analysis

Customer : SANOFI

Service date: 27/7/2020

Model : CR1800 FC CR80564

Next Service: 27/01/2021

Test Results

1.0 Equipment used : Airflow anemometer S/No: AVM4415 16 001
Light meter S/No: 190 905055
Sound meter S/No: 182 046

2.0 Face velocities : Readings recorded at sash position shown below:

Sash Position	1800 Fume Cupboard						Average
	1500 Fume Cupboard						
	1200 Fume Cupboard						
125mm	0,65	0,64	0,66	0,67	0,71	0,79	0,67
250mm	0,66	0,70	0,64	0,70	0,67	0,60	0,66
500mm	0,56	0,54	0,53	0,54	0,58	0,61	0,56

Note: Grid positions are 300mm apart

Average: 0,63 m/s

(Compliance with ASHRAE 110-1995 if above 0.5m/s $\pm 10\%$)

3.0 Duct Details : PVC 250mm
4.0 Fan Model : SEAT 30
5.0 Smoke Tube Test : OK
6.0 Water Connection: OK
7.0 Drainage Check : OK
8.0 Gas Connection : NO CONNET
9.0 Light Intensity : 518 lux (min 400)
10.0 Noise Level : 67, 1 dBA (max. 73)

Certified By:



for Chemopharm Sdn Bhd

Witnessed By:

[Signature]
05.08.20

(Bùi Anh Tuấn)
for Client

Appendix A

Chemoresources Sdn Bhd

Fume Cupboard Certificate of Analysis

Site/ Project : PanafiDate: 07/05/15Product : CR 1800 FC c/w Airflow SensorTest Results S.N. CR 803491.0 Apparatus Used : Digital Anemometer S/N: TS1 56050167

2.0 Face Velocities : Readings recorded sash position shown below:

Sash Position	1800 Fume Cupboard						Average
	1500 Fume Cupboard						
	1200 Fume Cupboard						
125mm	0.76	0.78	0.79	0.79	0.76	0.78	0.78
250mm	0.58	0.58	0.61	0.62	0.62	0.59	0.60
500mm	0.61	0.61	0.59	0.58	0.58	0.57	0.59
500mm	0.57	0.56	0.56	0.57	0.55	0.55	0.56

Note: Grid positions are 300mm apart

(Compliance with ASHRAE 110-1995 if above 0.5m/s +/- 10%)

3.0 Duct Details : As per Shop Drawing4.0 Fan Model : SEAT 30-4P5.0 Smoke tube test : Total Removal & no backflow6.0 Water Connection : Connected7.0 Gas Connection : NA8.0 Light Intensity : 910 lux (min.250)9.0 Noise level : 59.5 dBA(max.73)

Certified By:

Witnessed By:


 for Chemoresources


 for Client
07/5/15